

Bản án số: 256/2024/HS-ST
Ngày 18 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy; Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xét xử số 03 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 236/2024/TLST-HS, ngày 19 tháng 8 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên Phùng Chí L, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Xóm S, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phùng Văn T, sinh năm 1971 và bà: Dương Thị H, sinh năm 1972; Vợ: Trần Thị P, sinh năm 1999 và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

- Bị hại: Anh Trần Văn N, sinh năm 2003

Nơi cư trú: Tổ 05, phường C, TP. T, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt)

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Dương Văn H, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Xóm Đ, TT. H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Chí L và anh Trần Hoài N (sinh năm: 2003, HKTT: Tổ 05, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) là những người thuê trọ và ở 02 phòng liền kề nhau tại nhà trọ của bà Chí Thị D (Sinh năm: 1966; HKTT: Tổ 06, phường G, thành phố T) thuộc tổ 01, phường T, thành phố T.

Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 03/5/2024, anh N đi ra ngoài có việc nhưng không khóa cửa phòng trọ. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, L đi chơi về phòng trọ của mình thì quan sát thấy phòng trọ của anh N không khóa cửa, trong phòng không có người trông coi tài sản. Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên L đã nảy sinh ý định vào phòng trọ của anh N xem có tài sản gì giá trị thì sẽ trộm cắp. Linh lén lút đi vào phòng của anh N, khi vào trong phòng L quan sát thấy trên ghế tựa sát bàn học trong phòng có để 01 chiếc balo vải màu đen, L mở balo ra kiểm tra thì thấy bên trong có 01 máy tính xách tay nhãn hiệu LENOVO, màu đen, đã qua sử dụng. Sau đó, L cầm chiếc balo trên về nhà tại xã Hoàng N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để cất giấu. Khi về nhà L kiểm tra lại chiếc balo thì phát hiện trong balo còn có 01 dây sạc máy tính đã qua sử dụng; 01 chuột máy tính không dây, màu đỏ, nhãn hiệu Logitech, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S9, màu hồng đã qua sử dụng; 01 ví da màu nâu có in chữ beallerry đã qua sử dụng; 01 căn cước công dân, 03 thẻ ngân hàng, 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Trần Hoài N. Đến ngày 06/5/2024, thông qua mạng xã hội L mang chiếc máy tính trên cùng dây sạc máy tính và 01 chuột máy tính không dây, màu đỏ, nhãn hiệu Logitech đựng trong balo vải màu đen đến bán cho anh Dương Văn H, sinh năm: 1992, HKTT: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (là người kinh doanh mua bán máy tính cũ) có địa chỉ tại phòng 601, khu khách sạn HABANA thuộc phường T, thành phố T được số tiền 6.300.000 đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng). L không nói cho anh H biết đó là tài sản do L trộm cắp được. Đến ngày

15/5/2024, anh N phát hiện chiếc máy tính của mình đang được giao bán trên mạng xã hội Facebook nên đã đến Cơ quan Công an trình báo đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Ngày 15/5/2024, Công an phường T đã làm việc với anh Dương Văn Hiệp. Anh H tự nguyện giao nộp toàn bộ số tài sản mà anh H mua của L vào ngày 06/5/2024.

Ngày 16/5/2024, Công an phường T đã triệu tập L đến làm việc. Tại Cơ quan Công an, L đã thành khẩn khai báo hành vi trộm cắp tài sản của mình và tự nguyện giao nộp lại 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S9, màu hồng đã qua sử dụng; 01 ví da màu nâu có in chữ beallerry đã qua sử dụng, 03 thẻ ngân hàng đều mang tên Trần Hoài N. Đối với 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Trần Hoài N, L đã làm thất lạc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 89/KL-HĐĐGTS ngày 09 tháng 06 năm 2024 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự TP. T kết luận: 01 Laptop nhãn hiệu LENOVO cùng dây sạc, đã qua sử dụng thời điểm giá trị ngày 03/5/2024 giá trị 8.500.000 đồng; 01 chuột máy tính xách tay không dây màu đỏ hiệu Logitech, đã qua sử dụng thời điểm giá trị ngày 03/5/2024 giá trị 50.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S9, đã qua sử dụng thời điểm giá trị ngày 30/5/2024 giá trị 500.000 đồng; 01 chiếc ba lô vải màu đen, 01 ví da màu nâu có in chữ beallerry, Hội đồng định giá tài sản không có cơ sở để xác định giá trị của tài sản. Tổng giá trị của tài sản là: **9.050.000đ** (Chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phùng Chí L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 242/CT-VKSPB ngày 19/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố Phùng Chí L về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện VKSND thành phố T sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phùng Chí L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phùng Chí L từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 18 đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho bị hại quản lý, sử dụng nên không đề nghị xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị hại anh N đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu gì đối với 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 do bị cáo Linh đã làm thất lạc không thu hồi được; Anh H đã được L trả lại số tiền 6.300.000 đồng nên anh H không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phùng Chí L không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo không có ý kiến gì,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 03/5/2024, tại phòng trọ của anh Trần Hoài N thuộc tổ 01, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo Phùng Chí L đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc ba lô vải màu đen đã qua sử dụng, 01 laptop nhãn hiệu LENOVO Legion 5, màu đen; 01 chuột máy tính không dây màu

đỏ hiệu Logitech; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S9; 01 ví da màu nâu có in chữ beallerry bên trong có 01 căn cước công dân; 03 thẻ ngân hàng; 01 giấy phép lái xe A1 đều mang tên Trần Hoài N, tổng trị giá **9.050.000** đồng của anh Trần Hoài N.

Hành vi của bị cáo Phùng Chí L có đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc cho nhân dân và làm mất an ninh, trật tự tại địa phương ... Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét nhân thân, tính chất mức độ tội phạm, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên đã trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền sài, một phần nguyên nhân là do bị hại khi đi ra khỏi phòng một thời gian dài không khoá cửa phòng dẫn đến sơ hở và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Xét thấy, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội vẫn có thể cải tạo, giáo dục trở

thành công dân tốt và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị hại anh N đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu gì đối với 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 do bị cáo L đã làm thất lạc không thu hồi được; Anh H đã được L trả lại số tiền 6.300.000 đồng nên anh H không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT đã ra quyết định trả lại tài sản cho bị hại quản lý, sử dụng nên không xem xét.

[9] Trong vụ án này, anh Dương Văn H là người mua tài sản của L, khi mua anh H không biết tài sản đó do L phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như về tội danh, điều luật áp dụng, về hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp vào ngân sách nhà nước.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Phùng Chí L** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt chính: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phùng Chí L 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
3. Về phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với bị cáo Phùng Chí L.
4. Giao bị cáo Phùng Chí L cho Ủy ban nhân dân xã Hoàng N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

5. Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Phùng Chí L) cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Về ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú: Căn cứ Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự, ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phùng Chí L, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi bị cáo phải chấp hành bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Hoàng N quản lý theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phùng Chí L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

8. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. T;
- Cơ quan điều tra CA TP. T;
- CQTHAHS Công an TP.T;
- CCTHADS TP. T;
- Bị cáo, BH-NLQ;
- Lưu: HS, VP, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Sái Đức Trung